

Số: 1910 /ĐHCNGTVT-TCCB  
V/v triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ  
bằng nguồn ngân sách nhà nước theo Quyết  
định số 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 của Thủ  
tướng Chính phủ năm 2021 và 2022

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2021

Kính gửi: Các đơn vị trong Trường.

Thực hiện Công văn số 1943/BGDĐT-GDĐH ngày 13/5/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ bằng nguồn ngân sách nhà nước theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ năm 2021 và 2022 (*gửi kèm theo*), Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải đề nghị các đơn vị như sau:

1. Thông báo công khai nội dung Công văn số 1943/BGDĐT-GDĐH nêu trên tới tất cả giảng viên và những người có nguyện vọng trở thành giảng viên của đơn vị mình nếu có nhu cầu, đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển ở trình độ tiến sĩ và thạc sĩ (trình độ thạc sĩ chỉ đối với các ngành nghệ thuật và thể dục thể thao).

2. Đơn vị lập danh sách ứng viên dự tuyển (*theo mẫu tại Phụ lục 2 của Công văn số 1943/BGDĐT-GDĐH, có kèm chữ ký xác nhận của lãnh đạo đơn vị*) gửi về Trường (qua Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng 303 Nhà H1), đồng thời gửi về địa chỉ thư điện tử: [tamnt96@utt.edu.vn](mailto:tamnt96@utt.edu.vn) trước ngày 10/6/2021.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần trao đổi hoặc tìm hiểu thêm thông tin, vui lòng liên hệ chuyên viên Nguyễn Thanh Tâm, Phòng Tổ chức cán bộ, SĐT: 0934.619.459 để biết thêm chi tiết. /.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Cổng Thông tin điện tử (để đưa tin);
- Lưu: VT, TCCB (Tâm).

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Nguyễn Mạnh Hùng**



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1943 /BGDDĐT-GDĐH

V/v hướng dẫn triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ bằng nguồn ngân sách nhà nước theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ năm 2021 và 2022

*Hà Nội, ngày 13 tháng 05 năm 2021*

Kính gửi:

- Các đại học, trường đại học, học viện;
- Các viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ.

Ngày 18/01/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 89/QĐ-TTg phê duyệt Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 (Đề án 89), trong đó có nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ cho đội ngũ giảng viên các cơ sở giáo dục đại học ở trong và ngoài nước bằng nguồn ngân sách nhà nước.

Triển khai thực hiện Đề án 89, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn các đại học, trường đại học, học viện, các viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ trong phạm vi Đề án 89 cho năm 2021 và 2022 như sau:

**I. Hình thức và ngành đào tạo**

**1. Hình thức đào tạo:**

- a) Đào tạo toàn thời gian ở Việt Nam;
- b) Đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài;
- c) Đào tạo toàn thời gian theo hình thức liên kết giữa cơ sở đào tạo của Việt Nam và cơ sở đào tạo của nước ngoài (chỉ dành cho đào tạo ở trình độ tiến sĩ).

**2. Ngành đào tạo:**

- a) Đối với trình độ tiến sĩ: tất cả các ngành theo nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn đội ngũ giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học và chiến lược phát triển nhân lực trình độ cao của đất nước trong giai đoạn từ nay đến 2030;
- b) Đối với trình độ thạc sĩ: các ngành thuộc lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

**II. Học bổng và chi phí đào tạo**

1. Đối với đào tạo toàn thời gian ở Việt Nam: người học được hỗ trợ học bổng và học phí, hỗ trợ chi phí đi dự hội thảo hoặc thực tập ở nước ngoài.

2. Đối với đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài: người học được hỗ trợ học bổng và chi phí đào tạo bao gồm học phí, sinh hoạt phí, bảo hiểm y tế, vé máy bay một lượt đi và về, các loại phí bắt buộc khác theo quy định của cơ sở tiếp nhận (nếu có).

3. Đối với đào tạo toàn thời gian theo hình thức liên kết giữa cơ sở đào tạo của Việt Nam và cơ sở đào tạo của nước ngoài: người học được hỗ trợ



học bổng và chi phí đào tạo như hướng dẫn tại khoản 1 Mục này trong thời gian học ở Việt Nam và như hướng dẫn tại khoản 2 Mục này trong thời gian học ở nước ngoài.

4. Học bổng và chi phí đào tạo hỗ trợ người học được bảo đảm từ nguồn ngân sách trung ương với định mức chi theo hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án 89 của Bộ Tài chính cấp cho người được cử đi đào tạo trong thời gian đào tạo nhưng không quá 02 năm đối với người được cử đi đào tạo thạc sĩ; không quá 04 năm đối với người được cử đi đào tạo tiến sĩ, trong đó kinh phí thực tập, nghiên cứu và tham gia hội thảo ở nước ngoài đối với người được cử đi học toàn thời gian ở Việt Nam tối đa không quá 06 tháng.

### **III. Đối tượng và điều kiện dự tuyển, quyền lợi và trách nhiệm của người trúng tuyển**

#### **1. Đối tượng dự tuyển:**

a) Giảng viên và những người có nguyện vọng trở thành giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học trong nước có dự định học tiến sĩ trong năm 2021 hoặc 2022, hoặc hiện đang là nghiên cứu sinh năm thứ nhất hoặc năm thứ hai nhưng không thuộc đối tượng thụ hưởng của Đề án Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2010 - 2020 theo Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học đào tạo lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao có dự định học thạc sĩ trong năm 2021 hoặc 2022, hoặc đang học năm thứ nhất chương trình thạc sĩ.

#### **2. Điều kiện dự tuyển:**

a) Đáp ứng điều kiện dự tuyển theo quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, trình độ thạc sĩ hiện hành;

b) Tuổi dưới 40 tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

c) Cam kết quay về làm việc tại cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam sau khi tốt nghiệp; những người chưa phải là giảng viên phải có thỏa thuận ký với một cơ sở giáo dục đại học Việt Nam về việc tiếp nhận làm giảng viên của cơ sở đó sau khi tốt nghiệp;

d) Đăng ký dự tuyển theo học tại những cơ sở tham gia đào tạo cho Đề án 89 trong danh sách được Bộ GDĐT công bố.

#### **3. Quyền lợi và trách nhiệm của người trúng tuyển:**

a) Được cấp học bổng và chi phí đào tạo tương ứng với trình độ, hình thức đào tạo đã dự tuyển theo quy định tại khoản 4 Mục II của công văn này;

b) Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo, của quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ hiện hành (nếu học ở Việt Nam); của quy chế quản lý công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo khi được cử đi đào tạo ở nước ngoài (nếu học ở nước ngoài);

c) Giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học công lập được hưởng các quyền lợi khác và tuân thủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hiện hành; giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập được hưởng các quyền lợi và tuân thủ những quy định khác (nếu có) theo



thỏa thuận giữa người được cử đi đào tạo và cơ sở cử đi;

d) Dành toàn bộ thời gian để hoàn thành việc học tập, nghiên cứu khi đã được công nhận trúng tuyển và tham gia khóa học;

đ) Có trách nhiệm bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo theo quy định hiện hành trong các trường hợp sau: tự ý bỏ học; không hoàn thành chương trình đào tạo và không được cấp văn bằng tốt nghiệp; đã hoàn thành và được cấp văn bằng tốt nghiệp nhưng không quay trở lại làm việc tại cơ sở cử đi (hoặc tại cơ sở có ký thỏa thuận cam kết tiếp nhận giảng viên) hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết.

#### **IV. Yêu cầu, quyền và trách nhiệm đối với cơ sở cử giảng viên đi đào tạo, cơ sở có nhu cầu tuyển dụng và tiếp nhận giảng viên**

##### **1. Yêu cầu:**

a) Là cơ sở giáo dục đại học công lập hoặc cơ sở giáo dục đại học tư thục Việt Nam;

b) Có nhu cầu đào tạo giảng viên ở trình độ tiến sĩ (và thạc sĩ trong lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao) hoặc nhu cầu tuyển dụng giảng viên có trình độ tiến sĩ.

##### **2. Quyền và trách nhiệm:**

a) Tự chủ và chịu trách nhiệm giải trình trong công tác tuyển chọn ứng viên đúng đối tượng;

b) Được cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước; quản lý và chi cho người học theo định mức và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

c) Định kỳ báo cáo tình hình triển khai đào tạo theo Đề án 89 của cơ sở gửi Bộ GD&ĐT trước ngày 31 tháng 12 hằng năm;

d) Hỗ trợ người học tập trung dành toàn bộ thời gian cho việc học tập, nghiên cứu trong thời gian được cử đi đào tạo;

đ) Thu hồi học bổng và chi phí đào tạo đã cấp khi người được cử đi đào tạo vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3 Mục III của Công văn này.

e) Những cơ sở giáo dục đại học có nhu cầu tuyển dụng giảng viên có trình độ tiến sĩ phải cam kết tuyển chọn, cử người đi học đúng đối tượng, đáp ứng đủ điều kiện theo hướng dẫn này, đồng thời có trách nhiệm tiếp nhận người học đã hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ làm giảng viên của cơ sở theo quy định hiện hành.

#### **V. Yêu cầu, quyền và trách nhiệm đối với cơ sở tham gia đào tạo**

##### **1. Yêu cầu:**

Là cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu được phép tổ chức đào tạo và cấp bằng ở trình độ tiến sĩ, trình độ thạc sĩ (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo); có kinh nghiệm và uy tín trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, trong đó:

a) Cơ sở đào tạo Việt Nam tham gia đào tạo trình độ tiến sĩ phải có tối thiểu 05 nghiên cứu sinh đã tốt nghiệp và được cấp bằng của ngành đăng ký đào tạo; tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ (đối với các ngành thuộc lĩnh vực nghệ thuật và thể dục, thể thao) phải có 05 khóa đào tạo đã tốt nghiệp và được cấp bằng của ngành đăng ký đào tạo;



b) Cơ sở đào tạo ở nước ngoài có ngành đào tạo thuộc nhóm 500 ngành hàng đầu tại các bảng xếp hạng theo nhóm ngành và lĩnh vực đào tạo có uy tín trên thế giới;

Riêng trong năm 2021 không áp dụng yêu cầu tại các điểm a, b trên đây đối với những cơ sở đào tạo có học viên cao học năm thứ nhất, nghiên cứu sinh năm thứ nhất và năm thứ hai đang theo học tại cơ sở, được công nhận trúng tuyển và cấp học bổng, chi phí đào tạo theo Đề án 89 năm 2021 theo hướng dẫn tại Công văn này.

## **2. Quyền và trách nhiệm:**

a) Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý người được cử đi đào tạo trong quá trình học tập, hỗ trợ người học hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu;

b) Thông báo cho cơ sở cử người đi đào tạo khi người học vi phạm hoặc không tuân thủ quy chế của cơ sở tham gia đào tạo;

c) Cơ sở đào tạo Việt Nam phải định kỳ báo cáo tình hình triển khai đào tạo theo Đề án 89 gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

## **VI. Tổ chức triển khai**

### **1. Đối với những cá nhân dự tuyển:**

a) Giảng viên đại học hiện đang là nghiên cứu sinh năm thứ nhất, năm thứ hai, hoặc giảng viên các cơ sở giáo dục đại học đào tạo lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao đang học năm thứ nhất chương trình thạc sĩ, có nguyện vọng được nhận học bổng và hỗ trợ chi phí đào tạo trong khuôn khổ Đề án 89 thực hiện việc đăng ký theo thông báo của cơ sở giáo dục đại học, nơi đang công tác giảng dạy trên cơ sở quy trình và thời gian tổ chức triển khai theo hướng dẫn tại Công văn này;

b) Giảng viên đại học có nguyện vọng đi học tiến sĩ, thạc sĩ trong năm 2021 hoặc năm 2022 chủ động đăng ký dự tuyển theo học tại một trong những cơ sở tham gia đào tạo trong phạm vi Đề án 89 có tên trong danh sách do Bộ GDĐT công bố tại cổng thông tin điện tử của Bộ theo hướng dẫn tại khoản 2 Mục này, đồng thời thực hiện việc đăng ký dự tuyển theo thông báo của cơ sở giáo dục đại học, nơi đang công tác giảng dạy cùng với những đối tượng theo hướng dẫn tại điểm a nói trên;

c) Những người có nguyện vọng trở thành giảng viên đại học, hiện đang là nghiên cứu sinh năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc có dự định học tiến sĩ trong năm 2021 hoặc 2022, chủ động liên hệ với những cơ sở giáo dục đại học có nhu cầu tuyển dụng giảng viên ở trình độ tiến sĩ trong toàn quốc để được xem xét đăng ký dự tuyển theo Đề án 89 tại những cơ sở giáo dục đại học đó nếu được những cơ sở này cam kết đồng ý tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

### **2. Đối với cơ sở đăng ký tham gia đào tạo:**

a) Các đại học, các trường đại học, học viện, các viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ đáp ứng đủ điều kiện gửi hồ sơ đăng ký tham gia đào tạo trong phạm vi Đề án 89 theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm Công văn này và gửi 01 hồ sơ năng lực của từng trình độ đăng ký về Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục Đại học),



địa chỉ: 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội và qua email: dhchi@moet.gov.vn trước ngày 20/5/2021.

b) Căn cứ vào năng lực, điều kiện đảm bảo chất lượng, uy tín và kinh nghiệm của các cơ sở đào tạo, Bộ trưởng Bộ GDĐT ra quyết phê duyệt danh sách những cơ sở trong nước và nước ngoài tham gia đào tạo theo Đề án 89 và công bố danh sách này trên cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT trước ngày 01/6/2021.

3. Đối với cơ sở cử giảng viên đi đào tạo, cơ sở có nhu cầu tuyển dụng và tiếp nhận giảng viên:

a) Rà soát nhu cầu, gửi danh sách ứng viên (bao gồm giảng viên và những người cam kết trở thành giảng viên được cơ sở đồng ý tiếp nhận) đáp ứng đủ điều kiện ở từng trình độ, hình thức đào tạo và thời gian đào tạo theo mẫu tại Phụ lục 2 của Công văn này và gửi Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục Đại học) chậm nhất trước ngày 15/6/2021.

b) Căn cứ báo cáo của các cơ sở đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ xem xét và thông báo số lượng ứng viên trúng tuyển theo học Đề án 89 trước 30/6/2021 để các cơ sở quyết định cử người đi học và cơ sở đào tạo thực hiện các thủ tục tiếp theo.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần trao đổi hoặc tìm hiểu thêm thông tin, cơ sở đào tạo liên hệ với Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục Đại học), chuyên viên Đào Hiền Chi, email: dhchi@moet.gov.vn để được giải đáp cụ thể.

Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo để các đại học, các trường đại học, học viện, các viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ biết và tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ GDĐH.





## **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

### **Phụ lục 1**

### **MẪU ĐỀ ÁN THAM KHẢO ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐÀO TẠO TIẾN SĨ, THẠC SĨ Ở TRONG NƯỚC THEO ĐỀ ÁN 89**

(Kèm theo Công văn số /BGDDĐT-GDĐH ngày 2021)

### **ĐỀ ÁN**

### **ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐÀO TẠO TIẾN SĨ ( hoặc THẠC SĨ) Ở TRONG NƯỚC THEO ĐỀ ÁN 89**

#### **A. ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO TIẾN SĨ**

Tên cơ sở đào tạo:

#### **Phần I. Thông tin chung**

##### **1.1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo:**

Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo: Lịch sử phát triển, năm thành lập, năm bắt đầu đào tạo tiến sĩ; số lượng các ngành đào tạo tiến sĩ; thành tích nghiên cứu khoa học đạt được trong 05 năm trở lại đây; những ngành thuộc thế mạnh của cơ sở đào tạo.

##### **1.2. Kết quả đào tạo tiến sĩ và nghiên cứu khoa học**

Bảng 1.2. Kết quả đào tạo tiến sĩ trong những 5 năm gần đây

|  | Năm... | Năm.... | Năm.... | Năm... | Năm.. |
|--|--------|---------|---------|--------|-------|
| Chỉ tiêu tuyển mới   |        |         |         |        |       |
| Số NCS tuyển mới   |        |         |         |        |       |
| Quy mô đào tạo   |        |         |         |        |       |
| Số tốt nghiệp và được cấp bằng TS                              |        |         |         |        |       |
| Số NCS quá hạn   |        |         |         |        |       |
| Số NCS thôi học  |        |         |         |        |       |
| Số bài báo ISI/Scopus công bố                                  |        |         |         |        |       |
| Tổng nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ |        |         |         |        |       |

##### **1.3. Tổ chức và quản lý đào tạo**

- Tên đơn vị quản lý đào tạo:

- Đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lý NCS

Bảng 1.3. Đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ

| TT  | Họ và tên | Chức danh<br>KH, học vị | Ngành được<br>đào tạo | Nhiệm vụ | Ghi chú |
|-----|-----------|-------------------------|-----------------------|----------|---------|
| 1   |           |                         |                       |          |         |
| 2   |           |                         |                       |          |         |
| ... |           |                         |                       |          |         |

1.4. Tạp chí khoa học do cơ sở đào tạo xuất bản (nếu có): tên, năm bắt đầu ấn hành, số kỳ xuất bản mỗi năm, tổ chức và hoạt động, cơ chế biên tập và phản biện, uy tín và chất lượng...



1.5. Trang web của cơ sở đào tạo: địa chỉ website, đường dẫn của chuyên mục đào tạo tiến sĩ trong website; mô tả chuyên mục đào tạo tiến sĩ: các thông tin cơ bản của chuyên mục, kế hoạch đào tạo, bảo vệ luận án; cơ sở dữ liệu đào tạo tiến sĩ,...

## **Phần II. Điều kiện và năng lực đào tạo của từng ngành đăng ký đào tạo**

### **2.1. Ngành đào tạo: .....**

#### **2.1.1. Thông tin về ngành đào tạo NCS:**

- Năm được giao đào tạo:
- Đơn vị quản lý chuyên môn (khoa, bộ môn, phòng chuyên môn):

#### **2.1.2 Kết quả đào tạo trong 5 năm trở lại đây**

**Bảng 2.1.2. Kết quả đào tạo của ngành**

| Thông tin chung                | Năm..... | Năm ..... | Năm ..... | Năm..... | Năm..... |
|--------------------------------|----------|-----------|-----------|----------|----------|
| Quy mô đào tạo                 |          |           |           |          |          |
| Số NCS tuyển mới               |          |           |           |          |          |
| Số tốt nghiệp và cấp bằng TS   |          |           |           |          |          |
| Số NCS quá hạn so với quy định |          |           |           |          |          |
| Số NCS thôi học                |          |           |           |          |          |

#### **2.1.3. Đội ngũ cán bộ khoa học cơ hữu tham gia đào tạo ngành**

**Bảng 2.1.3. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo ngành**

| TT | Họ và tên, năm sinh | Chức danh KH, năm công nhận | Học vị, năm công nhận | Số NCS hướng dẫn đã bảo vệ | Số NCS đang hướng dẫn | Số bài báo ISI/Scopus công bố trong 5 năm trở lại đây | Số bài báo khác công bố trong 5 năm trở lại đây |
|----|---------------------|-----------------------------|-----------------------|----------------------------|-----------------------|---|---|
| 1  |                     |                             |                       |                            |                       |   |   |
| 2  | ...                 |                             |                       |                            |                       |   |   |

#### **2.1.4. Cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo chất lượng**

##### **a) Thư viện**

**Bảng 2.1.4a Danh sách các thư viện, mạng cơ sở dữ liệu thông tin khoa học trong nước, ngoài nước có khả năng kết nối và khai thác:**

| TT | Tên thư viện, mạng CSDL, thông tin khoa học | Tên nước | Đường dẫn, địa chỉ website |
|----|---|----------|----------------------------|
| 1  |   |          |                            |
| 2  |   |          |                            |

##### **b) Phòng làm việc**

- Chỗ làm việc cho người hướng dẫn NCS: bình quân số m2/ 1 người HD
- Chỗ làm việc cho NCS tại CSĐT: bình quân số m2/1 NCS

##### **c) Phòng thí nghiệm phục vụ ngành đào tạo**

**Bảng 2.1.4b. Danh sách phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm... ngành**

| STT | Tên phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm | Tình trạng trang thiết bị và hiệu suất hoạt động hiện tại |
|-----|---|---|
| 1   |   |   |
| 2   |   |   |



### 2.1.5. Hợp tác quốc tế

a) Hội nghị, hội thảo khoa học ngành trong và ngoài nước

Bảng 2.1.5a. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành này trong 5 năm trở lại đây

| TT | Tên hội nghị, hội thảo quốc tế | Thời gian, địa điểm | Đơn vị đồng tổ chức | Thông tin trên tạp chí, website |
|----|--------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------------------|
| 1  |                                |                     |                     |                                 |
| 2  |                                |                     |                     |                                 |

b) Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài

Bảng 2.1.5b. Kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học về ngành này trong 5 năm trở lại đây

| TT | Tên chương trình, đề tài | Cơ quan, tổ chức hợp tác | Năm bắt đầu/<br>Năm kết thúc | Số NCS tham gia | Kết quả NC trên tạp chí, website |
|----|--------------------------|--------------------------|------------------------------|-----------------|----------------------------------|
| 1  |                          |                          |                              |                 |                                  |
| 2  |                          |                          |                              |                 |                                  |

- Khả năng hỗ trợ NCS công bố bài báo quốc tế: về chuyên môn, thủ tục, tài chính...

- Tên các chương trình (hay NCS) được đào tạo theo hình thức liên kết với các cơ sở nước ngoài.

**2.1.6. Kế hoạch tuyển sinh:** Số NCS/năm của ngành

**2.2. Ngành:** .....

... (các nội dung tương tự nêu trên)

**2.3. Ngành:** .....

... (các nội dung tương tự nêu trên)

Ghi chú: Trường hợp có nhiều ngành cùng nhóm ngành thì từ phần 2.1.4 đến 2.1.6 có thể viết chung cho nhóm ngành.

## Phần III. Tổ chức triển khai

### 3.1. Tuyển sinh

+ Tuyển sinh (đảm bảo đúng đối tượng, đúng yêu cầu của Quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành, cách thức quảng bá, tổ chức tuyển sinh...):

**3.2. Tổ chức đào tạo:** nêu cụ thể quy trình tổ chức đào tạo, cách thức triển khai

**3.3. Cam kết về kết quả đầu ra của NCS (nếu có khác nhau đối với từng ngành đề nghị ghi rõ)**

- Số lượng bài báo khoa học công bố trong nước (tạp chí ngành tính đến 1 điểm của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước quy định):

- Số lượng bài báo khoa học công bố ngoài nước (tạp chí quốc tế có uy tín):

- Số lượng hội thảo khoa học (trong nước, nước ngoài) tham gia có báo cáo:

**3.4. Dự toán kinh phí đào tạo 1 NCS ở trong nước và mức học phí công bố** (có thể tính theo ngành, nhóm ngành nếu có sự khác nhau giữa các ngành).

## B. ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO THẠC SĨ

Tên cơ sở đào tạo:

### Phần I. Thông tin chung

1.1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo:

Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo: Lịch sử phát triển, năm thành lập, năm bắt đầu đào tạo thạc sĩ; số lượng các ngành đào tạo; những ngành thuộc thế mạnh của cơ sở đào tạo.

1.2. Kết quả đào tạo thạc sĩ



Bảng 1.2. Kết quả đào tạo tiến sĩ trong những 5 năm gần đây

|                                | Năm... | Năm.... | Năm.... | Năm... | Năm.. |
|--------------------------------|--------|---------|---------|--------|-------|
| Chỉ tiêu tuyển mới             |        |         |         |        |       |
| Số học viên tuyển mới          |        |         |         |        |       |
| Quy mô đào tạo                 |        |         |         |        |       |
| Số tốt nghiệp và được cấp bằng |        |         |         |        |       |
| Số học viên quá hạn            |        |         |         |        |       |
| Số học viên thôi học           |        |         |         |        |       |

## 1.3. Tổ chức và quản lý đào tạo

- Tên đơn vị quản lý đào tạo:

- Đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lý đào tạo thạc sĩ

Bảng 1.3. Đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ

| TT | Họ và tên | Chức danh<br>KH, học vị | Ngành được<br>đào tạo | Nhiệm vụ | Ghi chú |
|----|-----------|-------------------------|-----------------------|----------|---------|
| 1  |           |                         |                       |          |         |
| 2  |           |                         |                       |          |         |

1.4. Trang web của cơ sở đào tạo: địa chỉ website, đường dẫn của chuyên mục đào tạo thạc sĩ trong website.

**Phần II. Điều kiện và năng lực đào tạo của từng ngành đào tạo****2.1. Ngành đào tạo: .....****2.1.1. Thông tin về ngành đào tạo:**

- Năm được giao đào tạo:

- Đơn vị quản lý chuyên môn (khoa, bộ môn, phòng chuyên môn):

**2.1.2 Kết quả đào tạo trong 5 năm trở lại đây**

Bảng 2.1.2. Kết quả đào tạo của ngành

| Thông tin chung            | Năm..... | Năm ..... | Năm ..... | Năm.... | Năm.... |
|----------------------------|----------|-----------|-----------|---------|---------|
| Quy mô đào tạo             |          |           |           |         |         |
| Số học viên tuyển mới      |          |           |           |         |         |
| Số tốt nghiệp và cấp bằng  |          |           |           |         |         |
| Số quá hạn so với quy định |          |           |           |         |         |
| Số thôi học                |          |           |           |         |         |

**2.1.3. Đội ngũ cán bộ khoa học cơ hữu tham gia đào tạo ngành**

Bảng 2.1.3. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo ngành

| TT | Họ và tên, năm sinh | Chức danh<br>KH, năm công nhận | Học vị, năm công nhận | Số bài báo<br>ISI/Scopus<br>công bố<br>trong 5<br>năm trở lại<br>đây | Số bài báo<br>khác<br>công bố<br>trong 5<br>năm trở lại<br>đây |
|----|---------------------|--------------------------------|-----------------------|--|--|
| 1  |                     |                                |                       |  |  |
| 2  | ...                 |                                |                       |  |  |

**2.1.4. Cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo chất lượng:**

Phòng học, thực hành, thí nghiệm, thư viện

**2.1.5. Hợp tác quốc tế**

a) Hội nghị, hội thảo khoa học ngành trong và ngoài nước



b) Đối tác hợp tác trong đào tạo ở trình độ thạc sĩ

**2.1.6. Kế hoạch tuyển sinh:** Số học viên/năm của ngành

**2.2. Ngành:** .....

... (các nội dung tương tự nêu trên)

**2.3. Ngành:** .....

... (các nội dung tương tự nêu trên)

*Ghi chú: Trường hợp có nhiều ngành cùng nhóm ngành thì từ phần 2.1.4 đến 2.1.6 có thể viết chung cho nhóm ngành.*

### **Phần III. Tổ chức triển khai**

#### **3.1. Tuyển sinh**

+ Tuyển sinh (đảm bảo đúng đối tượng, đúng yêu cầu của Quy chế đào tạo thạc sĩ hiện hành, cách thức quảng bá, tổ chức tuyển sinh...):

**3.2. Tổ chức đào tạo:** nêu cụ thể quy trình tổ chức đào tạo, cách thức triển khai

**3.3. Cam kết về kết quả đầu ra của học viên** (nếu có khác nhau đối với từng ngành đề nghị ghi rõ)

**3.4. Dự toán kinh phí đào tạo 1 học viên ở trong nước, mức học phí công bố** (tính theo ngành, nhóm ngành nếu có sự khác nhau giữa các ngành).

Nơi nhận:

- .....

- .....

- Lưu: .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

(Ký tên, đóng dấu)





Phụ lục 2

Mẫu danh sách trích ngang ứng viên đăng ký dự tuyển theo Đề án 89  
(Kèm theo Công văn số / BGDDT-GDDH ngày 2021)

BỘ/UBND TỈNH.....  
TRƯỜNG.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ỨNG VIÊN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN THEO ĐỀ ÁN 89 (xếp theo thứ tự ưu tiên)**  
(Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm 2021)

**I. Năm 2021**

**1. Đào tạo trình độ tiến sĩ**

| STT<br>ưu<br>tiên | Họ và tên    | Ngày<br>sinh | Giới tính<br>(*) |    | Đối tượng (*)         |                         |                                |                                |                                    | Ngành học | Hình thức đào tạo<br>(*) |               |             | Cơ sở dự kiến theo học |
|-------------------|--------------|--------------|------------------|----|-----------------------|-------------------------|--------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|-----------|--------------------------|---------------|-------------|------------------------|
|                   |              |              | Nam              | Nữ | Giảng<br>viên<br>(GV) | Cam<br>kết<br>làm<br>GV | Đang<br>làm<br>NCS<br>năm<br>1 | Đang<br>làm<br>NCS<br>năm<br>2 | Dự<br>kiến<br>học<br>trong<br>2021 |           | Trong<br>nước            | Ngoài<br>nước | Liên<br>kết |                        |
| 1                 | Nguyễn Văn A |              | X                |    | X                     |                         | X                              |                                |                                    |           |                          |               |             |                        |
| 2                 |              |              |                  |    |                       |                         |                                |                                |                                    |           |                          |               |             |                        |
| ...               |              |              |                  |    |                       |                         |                                |                                |                                    |           |                          |               |             |                        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  |              |              |                  |    |                       |                         |                                |                                |                                    |           |                          |               |             |                        |

Danh sách có .... ứng viên  
(\*) sử dụng dấu X để điền vào các dòng

**2. Đào tạo trình độ thạc sĩ**

(Chỉ đối với các ngành nghệ thuật và thể dục, thể thao)

| STT<br>ưu<br>tiên | Họ và tên    | Ngày<br>sinh | Giới tính (*) |    | Đối tượng (*)         |                      |                              |                              | Ngành học | Hình thức đào tạo<br>(*) |               | Cơ sở dự kiến theo<br>học |
|-------------------|--------------|--------------|---------------|----|-----------------------|----------------------|------------------------------|------------------------------|-----------|--------------------------|---------------|---------------------------|
|                   |              |              | Nam           | Nữ | Giảng<br>viên<br>(GV) | Cam<br>kết làm<br>GV | Đang học<br>thạc sĩ<br>năm 1 | Dự kiến<br>học trong<br>2021 |           | Trong<br>nước            | Ngoài<br>nước |                           |
| 1                 | Nguyễn Văn A |              | X             |    | X                     |                      | X                            |                              |           |                          |               |                           |







